

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG KHÁNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18-11-2019

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Dung

Ông Nguyễn Trường Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Chính - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường C - Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 465/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019, về việc “*Tranh chấp ly hôn*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Cao Thị Kim D sinh năm 1976

Hộ khẩu thường trú: Thôn Cổ L, xã Tân H, huyện Minh H, tỉnh Quảng Bình.

Hiện tạm trú tại: Số 36, khu phố Suối T, phường Suối T, thành phố Long K, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Sỹ K sinh năm 1962

Nơi cư trú: Số 79, tổ 1, khu phố Dưỡng Đ, phường Suối T, thành phố Long K, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI D VU ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 7 năm 2019, lời khai tiếp theo và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - bà Cao Thị Kim D trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Cao Thị Kim D và ông Bùi Sỹ K quen biết và tìm hiểu nhau được khoảng 01 (một) năm thì đi đến kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Suối T, thị xã Long K (nay thuộc phường Suối T, thành phố Long K), tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/01/2011.

Theo bà D, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 01 (một) năm đầu nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông K không đi làm để tạo lập kinh tế gia đình mà thường xuyên uống rượu. Mặc dù bà D đã nhiều lần khuyên và cho ông K cơ hội để thay đổi nhưng không có kết quả dẫn đến việc vợ chồng thường lớn tiếng với nhau. Khoảng cuối tháng 5/2018 cho đến nay vợ chồng đã không còn sống chung nhà với nhau cũng không gặp nhau để nói chuyện giải quyết mâu thuẫn, không quan tâm đến nhau và không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng. Nay bà D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi Sỹ K.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà D khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 12 tháng 9 năm 2019, lời khai tiếp theo và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn - ông Bùi Sỹ K trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Bùi Sỹ K thừa nhận ông và bà Cao Thị Kim D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Suối T, thị xã Long K (cũ) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2011.

Theo ông K, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến khoảng cuối năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, ông K thừa nhận ông không đi làm để phụ giúp kinh tế với bà D, chưa dành nhiều thời gian quan tâm đến bà D và việc ông thường xuyên uống rượu là không đúng. Tuy nhiên, do bà D có thái độ không tôn trọng và những lời lẽ xúc phạm nên vì buồn chán mà ông K mới uống rượu. Trong suốt một năm qua vợ chồng đã không còn sống chung nhà với nhau, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng. Nay bà D yêu cầu ly hôn, ông K không đồng ý ly hôn vì ông vẫn còn tình cảm với bà D, ông K hứa sẽ thay đổi và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ.

- Về con chung: Ông K thừa nhận vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông K khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, cả nguyên đơn và bị đơn không đến Tòa án tham dự phiên tòa, tuy nhiên nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ kiện;

- *Về đường lối giải quyết*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; về con chung: Không có; về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn - bà Cao Thị Kim D có yêu cầu ly hôn với bị đơn - ông Bùi Sỹ K do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định ông K có hộ khẩu thường trú và hiện sinh sống tại phường Suối T, thành phố Long K, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt đương sự*: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn - bà Cao Thị Kim D vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn - ông Bùi Sỹ K mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Cao Thị Kim D và ông Bùi Sỹ K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Suối T, thị xã Long K (nay thuộc phường Suối T, thành phố Long K), tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/01/2011. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà D, nhận thấy: Theo lời khai của bà D và ông K thì vợ chồng bất đồng quan điểm sống do ông K không cùng bà D gánh vác kinh tế gia đình mà thường xuyên uống rượu nên tình cảm vợ chồng có nhiều “rạn nứt” mà không thể hàn gắn được. Do đó, có đủ cơ sở xác định trong quá trình sống chung, ông K và bà D đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 làm

cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông K là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét mong muốn đoàn tụ của ông K, nhận thấy: Ông K đã thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Từ khoảng cuối năm 2018 cho đến nay vợ chồng đã không còn sống chung nhà với nhau, ông K có mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với bà D và không được bà D đồng ý. Vì vậy, mong muốn đoàn tụ của ông K là không có cơ sở và không phù hợp với nhận định trên nên không được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung:* Bà D và ông K không có con chung nên không xét.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà D và ông K khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] *Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:* Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] *Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án:*

Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Cao Thị Kim D về việc “Tranh chấp ly hôn” với bị đơn - ông Bùi Sỹ K.

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa bà Cao Thị Kim D và ông Bùi Sỹ K.

2. *Về án phí:* Bà Cao Thị Kim D phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 009884 ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. Bà D đã nộp đủ án phí.

3. *Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án:*

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND T.ĐN;
- VKSND TPLK;
- CC THADS TPLK;
- UBND P.Suối T, TP.LK, T.ĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Thị Thùy Trang